Chi tiết mã HS 9620.00.10

Mã HS	9620.00.10
Mô tả hàng hóa	Chân đế loại một chân (monopod), hai chân (bipod), ba chân (tripod) và các mặt hàng tương tự / - Bằng plastic
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	15/11/2026 11:43:37
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/96200010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K19001
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N19001
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q19001
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E18277
ATIGA	2022	2022	0	AT!E18206
ATIGA	2023	2023	0	AT!F18206
ATIGA	2024	2024	0	AT!G18206
ATIGA	2025	2025	0	AT!H18206
ATIGA	2026	2026	0	AT!I18206
ATIGA	2027	2027	0	AT!J18206
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E18262
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F18262

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G18262
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H18262
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I18262
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J18262
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E18263
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F18263
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G18263
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H18263
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I18263
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J18263
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F18268
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H18225
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F18220
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G18220
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H18220
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I18220
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J18220
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K18220
VKFTA	2022	2022	0	VK!E18268
VKFTA	2023	2023	0	VK!F18268
VKFTA	2024	2024	0	VK!G18268
VKFTA	2025	2025	0	VK!H18268
VKFTA	2026	2026	0	VK!I18268
VKFTA	2027	2027	0	VK!J18268
VCFTA	2022	2022	1	VC!D18332
VCFTA	2023	2023	0	VC!E18332

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F18332
VCFTA	2025	2025	0	VC!G18332
VCFTA	2026	2026	0	VC!H18332
VCFTA	2027	2027	0	VC!I18332
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D18306
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E18306
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F18306
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G18306
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H18306
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I18306
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D1075
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E1075
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D18299
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E18299
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F18299
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G18299
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H18299
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I18299
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D18329
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E18329
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F18329
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G18329
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H18329
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I18329
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D18328
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E18328

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F18328
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G18328
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H18328
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I18328
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D18422
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E18422
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F18422
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G18422
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H18422
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I18422
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J18422
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D18293
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E18293
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F18293
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G18293
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H18293
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I18293
RCEP B	2022	2022	0	B!D18293
RCEP B	2023	2023	0	B!E18293
RCEP B	2024	2024	0	B!F18293
RCEP B	2025	2025	0	B!G18293
RCEP B	2026	2026	0	B!H18293
RCEP B	2027	2027	0	B!I18293
RCEP C	2022	2022	0	C!D18291
RCEP C	2023	2023	0	C!E18291
RCEP C	2024	2024	0	C!F18291

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2025	2025	0	C!G18291
RCEP C	2026	2026	0	C!H18291
RCEP C	2027	2027	0	C!I18291
RCEP D	2022	2022	0	D!D18290
RCEP D	2023	2023	0	D!E18290
RCEP D	2024	2024	0	D!F18290
RCEP D	2025	2025	0	D!G18290
RCEP D	2026	2026	0	D!H18290
RCEP D	2027	2027	0	D!I18290
RCEP E	2022	2022	0	E!D18295
RCEP E	2023	2023	0	E!E18295
RCEP E	2024	2024	0	E!F18295
RCEP E	2025	2025	0	E!G18295
RCEP E	2026	2026	0	E!H18295
RCEP E	2027	2027	0	E!I18295
RCEP F	2022	2022	0	F!D18293
RCEP F	2023	2023	0	F!E18293
RCEP F	2024	2024	0	F!F18293
RCEP F	2025	2025	0	F!G18293
RCEP F	2026	2026	0	F!H18293
RCEP F	2027	2027	0	F!I18293
VIFTA	2024	2024	0	VI!F17143
VIFTA	2025	2025	0	VI!G17143
VIFTA	2026	2026	0	VI!H17143
VIFTA	2027	2027	0	VI!I17143

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9620.00 có 6 dòng thuế; dòng 9620.00.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Bằng plastic.	9620.00.20 Bằng carbon và graphit; 9620.00.30 Bằng sắt và thép; 9620.00.40 Bằng nhôm; 9620.00.50 Bằng gỗ; 9620.00.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9620.00.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9620.00.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N19001), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.